

nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Tổng hợp V (Công ty V) được thành lập ngày 08/5/2013 theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 4101405112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 13/02/2015; ngành nghề kinh doanh: Mua bán đá khối, nhựa đường; buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu... Theo đó, Đỗ Thị Bình S1 là người đăng ký thành lập Doanh nghiệp, đứng tên chủ sở hữu, đại diện theo pháp luật của công ty với chức danh giám đốc, nhưng thực tế Công ty V do Nguyễn Thị S là người bỏ vốn, trực tiếp quản lý, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty. Giữa Đỗ Thị Bình S1 và Nguyễn Thị S có giao kết bằng lời nói, nội dung: Đỗ Thị Bình S1 là đại diện theo pháp luật của công ty, được trực tiếp thực hiện các giao dịch và ký các hồ sơ, giấy tờ đại diện cho công ty theo yêu cầu của S và được trả mức lương từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000đ/tháng.

- Trong kỳ hoàn thuế từ tháng 09/2013 đến tháng 11/2013, Công ty V có lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng. Căn cứ tài liệu, hóa đơn chứng từ liên quan thì Công ty V kê khai mua hàng hóa, dịch vụ đầu vào với tổng giá trị 53.995.750.829 đồng, thuế GTGT 5.399.575.083 đồng thành tiền 59.395.425.912 đồng; với số tiền thuế đề nghị được hoàn là 4.034.712.917 đồng. Ngày 24/12/2013, Chi cục thuế thành phố Q kiểm tra thuế tại Công ty V xác định số thuế GTGT của công ty được hoàn là 4.034.712.917 đồng. Ngày 30/12/2013, Cục thuế tỉnh Bình Định có Quyết định số 2245/QĐ-CT chấp nhận cho Công ty V hoàn thuế số tiền này. Ngày 31/12/2013, số tiền 4.034.712.917 đồng được chuyển vào tài khoản số 58110000777010 của Công ty V mở tại Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Định.

Theo quy định của Luật Quản lý thuế thì sau khi được hoàn thuế giá trị gia tăng thì trong quá trình kinh doanh tiếp theo Công ty V phải thực hiện việc kê khai báo cáo và nộp thuế theo quy định.

Trong kỳ tính thuế Quý II năm 2016, Công ty V đã kê khai giá trị hàng hóa, dịch vụ đầu vào với tổng giá trị 6.118.603.384 đồng, thuế GTGT 611.860.340 đồng và xuất bán hàng hóa các loại với tổng giá trị 37.746.375.280 đồng, thuế GTGT hàng hóa bán ra chịu thuế 3.774.637.526 đồng, nên cân đối

thuế GTGT đầu ra 3.774.637.526 đồng, thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ mua vào 611.860.340 đồng, thuế GTGT còn được khấu trừ từ Quý I năm 2016 chuyển sang 13.521.511 đồng và số tiền thuế GTGT được điều chỉnh giảm của kỳ trước là 2.231.250 đồng. Công ty V phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế GTGT cho Nhà nước của Quý II năm 2016 với số tiền 3.151.486.925 đồng. Tuy nhiên, thời điểm này Nguyễn Thị S không có tiền để nộp thuế GTGT đã bán hàng, nên S đã thực hiện hành vi trốn thuế như sau:

Nguyễn Thị S nảy ra ý định, lập không hồ sơ mua hàng hóa đầu vào nhằm mục đích kê khai không số thuế GTGT đầu vào để khấu trừ số thuế GTGT bán hàng phải nộp, đồng thời S liên hệ với Nguyễn Thanh Phong, Lê Thanh Vân (Cơ quan điều tra không xác minh được lai lịch) ở thành phố Hồ Chí Minh là những người có quan hệ mua bán hàng hóa với S, nói rằng S có thu mua gom hàng gỗ keo xẻ, gỗ bạch đàn xẻ không có hóa đơn chứng từ, nhờ Phong và Vân lấy cho S bộ hồ sơ gỗ để S kê khai báo cáo thuế. Trên cơ sở các thông tin do S cung cấp, Phong và Vân đã giao cho S bộ hồ sơ gồm hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận, hồ sơ nguồn gốc gỗ thể hiện 03 công ty ở thành phố Hồ Chí Minh bán gỗ keo xẻ, gỗ bạch đàn xẻ cho Công ty V tổng số lượng 9.964,94m³ với giá trị 31.589.876.500 đồng, thuế GTGT 3.158.987.650 đồng, thành tiền 34.748.864.150 đồng, gồm:

- Công ty TNHH TM DV M: Số lượng 1.775,02 m³ gỗ keo xẻ giá trị 5.591.313.000 đồng, thuế GTGT 559.131.300 đồng, thành tiền 6.150.444.300 đồng theo 02 hóa đơn GTGT.

- Công ty TNHH TM DV T: số lượng 3.322,50 m³ gỗ keo xẻ giá trị 10.465.875.000 đồng, thuế GTGT 1.046.587.500 đồng, thành tiền 11.512.462.500 đồng theo 04 hóa đơn GTGT.

- Công ty TNHH TM DV P: số lượng 4.295,09 m³ gỗ keo xẻ giá trị 13.529.533.500 đồng, thuế GTGT 1.352.953.350 đồng, thành tiền 14.882.486.850 đồng theo 05 hóa đơn GTGT; Và 572,33 m³ gỗ bạch đàn xẻ giá trị 2.003.155.000 đồng, thuế GTGT 200.315.500 đồng, thành tiền 2.203.470.500 đồng theo 01 hóa đơn GTGT.

Qua xác minh, các công ty: Công ty M, Công ty T, Công ty P không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế đã ra thông báo cưỡng chế hóa đơn, doanh nghiệp bỏ địa điểm kinh doanh. Xác minh Lê Thị Nguyên T - Giám đốc Công ty M, thì bà T không có tại địa phương, lên TP. Hồ Chí Minh sinh sống từ tháng 11/2017 trong khi Công ty M đăng ký thành lập từ năm 2015

tại TP. Hồ Chí Minh; xác minh Mai Văn H - Giám đốc Công ty T, thì H đã chết từ tháng 07/2010 khi bị tạm giam tại Trại giam Chí Hòa về tội mua bán trái phép chất ma túy, nhưng công ty đăng ký thành lập năm 2014; xác minh Nguyễn Quốc P - Giám đốc Công ty P, ông P xác định trước đến nay chỉ làm nghề biển tại địa phương, không thành lập công ty.

Đối với nguồn gốc gỗ keo xẻ, gỗ bạch đàn xẻ như trên hồ sơ mua bán giữa các công ty trên với Công ty V tại các địa phương (phường C, TP. Pleiku, Gai Lai; xã I, huyện Đ, Gia Lai; xã C, huyện M, Đắk Lắk; xã N, huyện Đ, Đắk Nông). Qua điều tra xác định: Tại địa phương không có việc giao đất cho cá nhân để trồng rừng, cũng không có tên các cá nhân đã trồng và khai thác rừng keo, rừng bạch đàn để bán cho các công ty. Chữ ký, dấu tên của Chủ tịch UBND xã, phường; khuôn dấu của UBND xã, phường trên các bộ hồ sơ nguồn gốc gỗ giống nhau có dấu hiệu được sử dụng photo ghép. Tên cán bộ kiểm lâm địa bàn ký xác nhận trên hồ sơ nguồn gốc gỗ cũng không có thực. Sau khi lập khống hồ sơ mua bán gỗ nêu trên, S đưa cho Đỗ Thị Bình S1 ký toàn bộ số hồ sơ, chứng từ này. Tuy nhiên, với vai trò là giám đốc đại diện theo pháp luật của công ty, Đỗ Thị Bình S1 buộc phải biết về hoạt động mua bán, kinh doanh hàng hóa của Công ty V. Sau khi hoàn thiện hồ sơ, S đã đưa vào kê khai báo cáo Công ty V có hàng gỗ keo xẻ, gỗ bạch đàn xẻ tồn kho tại thời điểm 30/06/2016 và kê khai báo cáo thuế GTGT nâng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào của Công ty V trong Quý II năm 2016 thành 37.708.479.884 đồng, có thuế GTGT 3.770.847.990 đồng. Do đó, Công ty V không phải nộp thuế GTGT đã thực bán hàng của Quý II năm 2016 số tiền 3.151.486.925 đồng. Đối với số thuế GTGT chênh lệch còn lại 7.500.725 đồng (3.158.987.650 đồng - 3.151.486.925 đồng) được S chuyển sang tiếp tục khấu trừ trong Quý III năm 2016, không phải nộp thuế GTGT cho Nhà nước số tiền này.

Để đối phó với việc kiểm tra, nên từ ngày 19/07/2016 đến ngày 25/02/2017, Nguyễn Thị S đã làm thủ tục xuất hóa đơn GTGT xuất bán toàn bộ số gỗ keo xẻ, bạch đàn xẻ lập khống nói trên cho các công ty của gia đình S. (Cụ thể: Công ty TNHH XD TM TH B: Số lượng 1.190,26 m³ gỗ keo xẻ giá trị 3.808.832.000 đồng, thuế GTGT 380.883.200 đồng; Công ty TNHH SX TM TH Hương S1: số lượng 1.475,87 m³ gỗ keo xẻ giá trị 4.722.784.000 đồng, thuế GTGT 472.278.400 đồng; Công ty TNHH SX TM G: số lượng 713,25 m³ gỗ keo xẻ giá trị 2.282.400.000 đồng, thuế GTGT 228.240.000 đồng; Công ty TNHH SX TM G: số lượng 6.012,80 m³ gỗ keo xẻ và 572,33 m³ gỗ bạch đàn xẻ

với tổng giá trị 17.359.261.000 đồng, thuế GTGT 1.735.926.100 đồng). Với tổng giá trị 28.173.277.000 đồng, thuế GTGT phải nộp 2.817.327.700 đồng. Mục đích là để tránh bị phát hiện việc trốn thuế. Chi cục thuế thành phố Q xác nhận từ tháng 7/2016 đến hết tháng 06/2017 Công ty V đã nộp 150.000.000 đồng thuế GTGT, còn nợ thuế tính đến ngày 30/6/2017 là: 2.819.279.994 đồng.

Theo Kết luận giám định thiệt hại về thuế của Cục thuế tỉnh Bình Định thì việc lập khống hồ sơ chứng từ mua 9.964,94 m³ gỗ keo xẻ, gỗ bạch đàn xẻ của Công ty V, xác định Công ty V của Nguyễn Thị S trốn thuế GTGT với số tiền 3.158.987.650 đồng.

Với nội dung vụ án được xác định nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2020/HS-ST ngày 28/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị S phạm tội “Trốn thuế”.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị S 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về bị cáo Đỗ Thị Bình S1, về bồi thường thiệt hại, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 26/3/2020 Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị số 14/2020/QĐ-VC2 đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chuyển 12 tháng tù nhưng được hưởng án treo của tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2016/HSST ngày 04/4/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Q về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” thành 12 tháng tù giam, tổng hợp 24 tháng tù của tội Trốn thuế, bị cáo S phải chấp hành 36 tháng tù giam theo quy định pháp luật.

- Ngày 06/3/2020 bị cáo Nguyễn Thị S có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Tại giai đoạn phúc thẩm Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị S, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, đồng thời giữ nguyên Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1]. Xem xét kháng cáo về việc xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị S, Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo S như sau: S là người bỏ vốn, trực tiếp quản lý, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Tổng hợp V (Công ty V), bị cáo S đã thuê Đỗ Thị Bình S1 là người đứng ra đăng ký thành lập Doanh nghiệp, đứng tên chủ sở hữu, đại diện theo pháp luật của công ty với chức danh Giám đốc và được S trả mức lương từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng. (Đỗ Thị Bình S1 là đồng phạm với vai trò giúp sức, đã bị xét xử trong vụ án này nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị).

Trong kỳ tính thuế Quý II năm 2016, Công ty V phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế GTGT cho Nhà nước với số tiền 3.158.987.650 đồng. Nhưng nhằm mục đích trốn thuế, bị cáo S đã lập hồ sơ, chứng từ khống nhằm chiếm đoạt số tiền nêu trên, sau đó Công ty đã nộp 150.000.000, đồng số tiền còn lại bị chiếm đoạt là 2.819.279.650 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng đã nhận tội như nội dung Bản án sơ thẩm đã xét xử, chỉ trình bày do hoàn cảnh khó khăn thường xuyên đau ốm, đã khắc phục một phần hậu quả nên xin được hưởng án treo. Xem xét việc bị cáo xin được hưởng án treo, xét thấy bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án, số tiền trốn thuế rất lớn, hơn nữa bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách của án treo, tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết gì mới, với tính chất hành vi phạm tội và hậu quả như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm đã áp dụng Khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS xử phạt bị cáo 02 năm tù có thời hạn, là có căn cứ, đúng pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, đối với trường hợp phạm tội của bị cáo là không đủ điều kiện để cho bị cáo được hưởng án treo. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị S, giữ nguyên biện pháp chấp hành hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thị S.

[2]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận thấy: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2016/HSST ngày

04/4/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Q về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”, đã xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Thời gian thử thách của án treo là từ ngày 04/4/2016 đến ngày 04/4/2018 nhưng trong khoản thời gian từ ngày 19/7/2016 đến ngày 25/02/2017 bị cáo đã có hành vi phạm tội “Trốn thuế” như đã nêu trên. Như vậy, có căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Thị S đã thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách án treo.

Tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định như sau:

“5. Trong thời gian thử thách, ...Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này”.

Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, chuyển 12 tháng tù nhưng được hưởng án treo đối với bị cáo Nguyễn Thị S tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2016/HSST ngày 04/4/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Q thành 12 tháng tù giam, đồng thời áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự quy định về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị S chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Đỗ Thị Bình S1, bồi thường thiệt hại, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và không liên quan kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 355; 356; 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị S. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 14/2020/QĐ-VC2, của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

2. *Áp dụng:* Khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị S 02 (hai) năm tù về tội “Trốn thuế”.

3. Áp dụng Điều 65; Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Chuyển 12 tháng tù nhưng được hưởng án treo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2016/HSST ngày 04/4/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Q đối với bị cáo Nguyễn Thị S thành 12 tháng tù giam.

Tổng hợp hình phạt chung của hai Bản án mà bị cáo Nguyễn Thị S phải chấp hành là 3 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí tòa án, bị cáo Nguyễn Thị S phải chịu 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm về: Bồi thường thiệt hại, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Công an tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THA dân sự tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, HSVA, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi